TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **30**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 30/8/2019
V/v: Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Toàn
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Hoàng Văn Thìn.
2/ Ông Nguyễn Xuân Trường.
Thư ký phiên toà: Bà Lê Ngọc Mai-Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Ong Văn Chúc: Kiểm sát viên
Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 85/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.
Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXX- ST ngày 18 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:
- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị L**,** sinh năm 1996 - Có mặt.
HKTT: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh B.
Nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh B.
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đình N, sinh năm 1996- vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 14/02/2019, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (chị Ngô Thị L) trình bày: Chị và anh Nguyễn Đình N kết hôn có được tự do, tự nguyện tìm hiểu, thỏa thuận, được hai bên gia đình tổ chức kết hôn theo phong tục tạp quán vào năm 2015, sau đó có đăng ký kết hôn tại UBND xã H ngày 03/12/2016. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh N làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng ban đầu hạnh phúc, vợ chồng sống hòa thuận, đến tháng 8 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều quan điểm sống bất đồng, không hợp nhau trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi cọ, xô sát với nhau. Mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình động viên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Do mâu thuẫn căng thẳng và trầm trọng nên chị chuyển về nhà ngoại (mẹ đẻ) ở từ tháng 8 năm 2018 đến nay, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, chấm dứt mọi quan hệ, không

còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh N không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

- Về con chung: Chị L xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình C, sinh ngày 11/4/2016, hiện nay cháu đang ở với anh N và gia đình bên nội, cháu vẫn phát triển bình thường. Ly hôn chị L đề nghị Tòa án giải quyết để chị được nuôi con chung của vợ chồng, về cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con cùng chỉ vì xác định đủ điều kiện nuôi con một mình. Tại phiên tòa chị đồng ý để anh N tiếp tục nuôi con chung của vợ chồng.

- Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn (anh Nguyễn Đình N): Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi ý kiến, văn bản đến Tòa án, vì vậy không có lời khai trong hồ sơ. Tòa án đã trực tiếp cùng với địa phương về làm việc tại gia đình nhưng anh N vắng mặt. Ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị H (là bố và mẹ đẻ của anh N trình bày: Anh N hiện nay đang làm thợ Mộc ở tỉnh Bắc Ninh, địa chỉ cụ thể gia đình không biết vì anh N không nói cho gia đình, nhưng vẫn về nhà thăm nhà sau đó lại đi ngay do bận công việc. Gia đình tổ chức kết hôn cho anh N và chị L vào năm 2015, sau khi cưới chị L về nhà ông H, bà H làm dâu ngay và ở chung với gia đình, đến tháng 9/2015 thì vợ chồng anh N, chị L ra ở riêng. Sau đó do hai vợ chồng làm ăn kinh tế thua lỗ, có nợ nhiều nên gia đình lại yêu cầu vợ chồng anh N, chị L về ở chung với gia đình nhưng hộ khẩu thì vẫn tách riêng. Về mâu thuẫn của vợ chồng anh N, chị L gia đình không thấy có mâu thuẫn gì. Vào tháng 8/2018 (âm lịch) chị L có xin phép gia đình lên trên nhà ngoại (mẹ đẻ) chơi, từ đó trở đi thì chị L không quay về nữa. Gia đình đã nhiều lần động viên và đến gọi chị L về nhưng chị L không về. Nay chị L có đơn xin ly hôn anh N, quan điểm của gia đình không muốn vợ chồng anh N, chị L ly hôn mà mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để làm ăn và nuôi dạy con. Còn về phía anh N gia đình không rõ anh N có quan điểm thế nào do anh N không trao đổi gì với gia đình. Về con chung: vợ chồng anh N chị L có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình C, sinh ngày 11/4/2016, hiện nay cháu đang ở với anh N và gia đình bên nội, cháu đang học mẫu giáo và phát triển bình thường. Trường hợp vợ chồng chị L, anh N ly hôn thì nguyện vọng của gia đình đề nghị để anh N được tiếp tục nuôi con vì chị L là phụ nữ phải đi lấy chồng khác. Về tài sản chung, công sức, công nợ và các quan hệ khác gia đình không nắm được cụ thể. Đề nghị Tòa án xem xét.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án cơ bản đúng quy định của pháp luật, đối với bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục thu thập, xác minh thêm các tài liệu chứng cứ của vụ án và đề nghị: Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị L được ly hôn anh Nguyễn Đình N.

Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Đình N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đình C, sinh ngày 11/4/2016. Chị Ngô Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N cho đến khi đương sự có yêu cầu. Chị Ngô Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Ngô Thị L phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000853 ngày 03/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về tố tụng**:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 14/02/2019 của chị Ngô Thị L đây xác định là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Đình N (là bị đơn) đã được Toà án triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ 2 nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Qua xác minh tại địa phương và gia đình cung cấp, hiện anh N vẫn có hộ khẩu thường trú tại Thôn N, xã Hhuyện Hiệp Hòa, anh N đi làm nghề thợ mộc tại Bắc Ninh, không rõ địa chỉ cụ thể nhưng anh N không đi hẳn khỏi địa phương, gia đình xác nhận anh N đi làm vẫn đi và về qua gia đình để chăm sóc con. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 §iÒu 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn có tên nêu trên.

Đối với yêu cầu của Kiểm sát viên về việc xác minh, thu thập thêm các tài liệu, chứng cứ, Hội đồng xét xử xét thấy việc xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ của vụ án đã đầy đủ nên không cần thiết phải thu thập thêm tài liệu chứng cứ nào khác để giải quyết vụ án.

[2]. **Về quan hệ tranh chấp**:

[2].1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Ngô Thị L và anh Nguyễn Đình N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Tại Tòa án khi chị L nộp đơn khởi kiện nộp có kèm theo 01 bản trích lục kết hôn số 59 ngày 14/02/2019 do UBND xã H cấp có ghi ngày đăng ký kết hôn là ngày 03/12/2015. Quá trình giải quyết vụ án chị L giao nộp 01 bản trích lục kết hôn số 341 ngày 29/8/2019 do UBND xã H cấp có ghi ngày đăng ký kết hôn là ngày 03/12/2016, chị L trình bày do nhầm lẫn trong việc ghi năm đăng ký kết hôn nên chị đã đến UBND xã H xin cấp lại trích lục kết hôn cho chính xác do giấy đăng ký kết hôn gốc chị không còn lưu giữ được. Qua xác minh, cán bộ tư pháp phụ trách đăng ký hộ tịch, hộ khẩu của xã H xác định bản trích lục đănng ký kết hôn cấp cho chị L ngày 14/02/2019 ghi ngày đăng ký kết hôn của chị L và anh N là ngày 03/12/2015 là không đúng nên sau khi chị L đề nghị cấp lại trích lục đăng ký kết hôn, kiểm tra lại sổ đăng ký gốc thấy có sự nhầm lẫn nên

ngày 29/8/2019 UBND xã đã cấp lại trích lục kết hôn cho chị L và ghi ngày đăng ký kết hôn theo sổ đăng ký kết hôn được lưu giữ tại UBND xã H tại trang số 110 là ngày 03/12/2016, do đó tư pháp xã H xác định ngày UBND xã H đăng ký kết hôn cho anh N và chị L là ngày 03/12/2016. Vì vậy, xác định chị L và anh N kết hôn có đăng ký tại UBND xã là hợp pháp, được phăp luật bảo vệ.

[2].2. *Xét yêu cầu về việc xin ly hôn của chị L thấy rằng*: Qua các chứng cứ do các bên xuất trình, lời khai của người làm chứng được biết: Vợ chồng chị L từ khi kết hôn đã có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng tình cảm vợ chồng đã không duy trì phát triển được, năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Xuất phát từ việc hai vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm nên vợ chồng hay cãi nhau. Mâu thuẫn cũng được hai bên gia đình động viên hòa giải nhưng không cải thiện được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2018 đến nay và đã chấm dứt quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Chị L có đơn xin ly hôn, anh N biết việc Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ việc nhưng cũng không có ý kiến phản hồi gì. Địa phương đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, tuy nhiên N không đến Tòa án theo thông báo và giấy triệu tập nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh N đã phát triển trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình để giải quyết cho chị L được ly hôn anh N là phù hợp, cho nên yêu cầu xin ly hôn của chị L cần được chấp nhận.

[2].3. *Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của hai bên thấy rằng:* Chị L và gia đình (bố, mẹ đẻ) anh N đều xác định vợ chồng chị L, anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình C, sinh ngày 11/4/2016, hiện nay cháu đang ở với anh N và gia đình bên nội, cháu vẫn phát triển tốt. Tại Tòa án chị L đề nghị được nuôi con chung của vợ chồng, gia đình anh N cũng đề nghị để anh N được tiếp tục nuôi con. Tại phiên tòa chị L đồng ý để anh N được tiếp tục nuôi con chung của vợ chồng, xét là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, cần được chấp nhận. Qua xác minh trao đổi với địa phương cung cấp: Hiện nay chị L đang làm công nhân, anh N đang làm nghề mộc nên đều có thu nhập. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của đứa trẻ, tránh sự xáo trộn ảnh hưởng đến tâm lý của đứa trẻ, cần giao con chung của vợ chồng cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình. Cho nên đề nghị về việc nuôi con chung của chị L và anh N cần được chấp nhận. Chị L được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2].4. *Về việc cấp dưỡng nuôi con:* Tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, anh N không có ý kiến gì về việc chị L phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh N, vì vậy không giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung của vợ chồng cho đến khi đương sự có yêu cầu.

[2].5. Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

[2].6. Về án phí: Chị Ngô Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị L được ly hôn anh Nguyễn Đình N.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị L được ly hôn anh Nguyễn Đình N.

Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Đình N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đình C, sinh ngày 11/4/2016. Chị Ngô Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N cho đến khi đương sự có yêu cầu. Chị Ngô Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Ngô Thị L phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000853 ngày 03/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- chủ toạ phiên toà

Nguyễn Xuân Toàn

Nơi nhận:
- *TAND Tỉnh BG*
- *VKSND Hiệp Hoà*
- *THADS Hiệp Hoà;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã H;*
- *Lưu hồ sơ.*